**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN BÌNH SƠN**
**TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2020/QĐST – HNGĐ

*Bình Sơn, ngày 28 tháng 4 năm 2020*

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 90/2020/TLST – HNGĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Anh Huỳnh Thanh V, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Xóm T, thôn Ph, xã B, huyện B1, tỉnh Q.

2/ Chị Đỗ Thị Á, sinh năm 1981;

Nơi ĐKHKTT: thôn Ph, xã B, huyện B1, tỉnh Q.

Chổ ở hiện nay: Đội X, thôn Ph, xã B, huyện B1, tỉnh Q.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Huỳnh Thanh V và chị Đỗ Thị Á có quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B1, tỉnh Q vào ngày 03/7/2002. Quá trình chung sống anh V, chị Á phát sinh mâu thuẫn với lý do cả hai bất đồng quan điểm trong cách sống, những quyết định của hai người là hoàn toàn trái ngược nhau, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vả nhau trong suốt thời gian dài làm cho cả hai rất mệt mỏi, nhất là thời gian vừa qua vợ chồng cãi vã nhau trong công việc nên làm cho cả hai tổn thương không thể sống chung với nhau, phần ai nấy sống. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh Huỳnh Thanh V và chị Đỗ Thị Á mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2] *Về con chung*: Anh V, chị Á thống nhất có hai con chung là Huỳnh Thanh H, sinh ngày 23/6/2009 và Huỳnh Thị Mỹ H, sinh ngày 27/6/2003. Anh V, chị Á thỏa thuận giao con Huỳnh Thanh H cho chị Á trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; giao con Huỳnh Thị Mỹ H cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án công nhận thỏa thuận về nuôi con của anh, chị.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V, chị Á không yêu cầu.

[3] *Về tài sản chung*: Anh V, chị Á tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] *Về nghĩa vụ tài sản*: Anh V, chị Á xác định anh, chị không có nghĩa vụ tài sản với người thứ ba nên không giải quyết.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Huỳnh Thanh V và chị Đỗ Thị Á thuận tình ly hôn.

1.2. *Về con chung*: Anh Huỳnh Thanh V và chị Đỗ Thị Á xác định có hai con chung là Huỳnh Thanh H, sinh ngày 23/6/2009 và Huỳnh Thị Mỹ H, sinh ngày 27/6/2003. Giao cháu Huỳnh Thanh Huy cho chị Đỗ Thị Ánh trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Huỳnh Thị Mỹ H cho anh Huỳnh Thanh V trực tiếp trông nom, chăm sóc .

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Huỳnh Thanh V, chị Đỗ Thị Á không yêu cầu.

*Anh Huỳnh Thanh V, chị Đỗ Thị Á có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Khi cần thiết một trong hai bên; cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.*

1.3. *Về tài sản chung*: Anh Huỳnh Thanh V, chị Đỗ Thị Á xác định không có.

1.4. *Về nghĩa vụ tài sản*: Anh Huỳnh Thanh V, chị Đỗ Thị Á xác định anh, chị không có nghĩa vụ tài sản với người thứ ba nên không giải quyết.

1.5. *Về lệ phí Tòa án*: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh Huỳnh Thanh V và chị Đỗ Thị Á có nghĩa vụ nộp sung công quỹ Nhà nước nhưng anh V, chị Á đã nộp lệ phí sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nên được khấu trừ theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000714, ngày 21/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B1, tỉnh Q.

2. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh Q;
- VKSND, Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Võ Đình Chung**